

Số: /KH-UBND

Vinh Phúc, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 300/QĐ-TTg ngày 28/3/2023
của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia
chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm
và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030**

Thực hiện Quyết định số 300/QĐ-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa bằng Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quyết định số 300/QĐ-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Quyết định số 300/QĐ-TTg).

- Tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện những nội dung của Quyết định số 300/QĐ-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan đơn vị có liên quan trong triển khai thực hiện; nâng cao trách nhiệm, tinh thần chủ động, sáng tạo của tập thể và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đơn vị trong tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể hóa thành các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, văn bản chỉ đạo; vận dụng linh hoạt, sáng tạo, chủ động để xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh, đảm bảo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tiễn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Việc tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung phải đảm bảo thiết thực, hiệu quả; chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm gắn liền với phát triển sinh thái, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường khả năng chống chịu trước các cú sốc, góp phần nâng cao uy tín và xây dựng thương hiệu nông sản của tỉnh, hướng tới nâng cao thu nhập cho người sản xuất, đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng và khả năng tiếp cận, thụ hưởng lương thực thực phẩm lành

manh cho mọi đối tượng và trong mọi tình huống, đặc biệt với khu vực khó khăn, nhóm người nghèo, dễ bị tổn thương.

- Thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm theo hướng lồng ghép các nguồn lực và thông qua các cơ chế, chính sách tạo động lực để huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm từ sản xuất, chế biến, phân phối đến tiêu dùng theo hướng minh bạch, trách nhiệm và bền vững, dựa trên lợi thế địa phương, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực và dinh dưỡng quốc gia, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Việt Nam và toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Thu nhập cư dân nông thôn cao hơn 02 lần so với năm 2020.
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 0,3-0,5%/năm.
- Tỷ lệ hộ gia đình không đảm bảo an ninh lương thực thực phẩm mức độ nặng và vừa ở mức dưới 5%.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 15%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 3%.
- Tỷ lệ thừa cân béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 10%; trẻ 5-18 tuổi ở mức dưới 19%; người trưởng thành 19-64 tuổi ở mức dưới 20%.
- Tỷ lệ ngộ độc cấp tính được ghi nhận dưới 5 người/100.000 dân.
- Tỷ lệ diện tích được cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi chiếm trên 10% diện tích đất sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Số vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật được đăng ký chứng nhận tăng 5%/năm.
- Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt hoặc tương đương ở mức trên 30%.
- Diện tích đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt tối thiểu 2,5% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp.
- Lượng phân bón hữu cơ chiếm trên 30% lượng phân bón cung ứng trên thị trường. Lượng phân bón hữu cơ sử dụng trong sản xuất nông nghiệp tăng trên 2 lần so với năm 2020.
- Trên 30% tổng diện tích cây trồng cạn có tưới được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.
- Tổn thất sau thu hoạch các nông sản chủ lực giảm 0,5% đến 1,0%/năm.
- Tỷ lệ giá trị nông sản chế biến trong tổng giá trị sản xuất và chế biến nông lâm thủy sản ở mức trên 50%.
- Trên 50% doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị nông lâm thủy sản được kết nối với Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.
- Phát thải khí nhà kính từ hệ thống lương thực thực phẩm giảm 10% so với năm 2020.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố bám sát mục tiêu đến năm 2030 trong Kế hoạch này và định hướng, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Chương trình hành động số 37-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đề ra, tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Rà soát, đánh giá và hoàn thiện cơ chế, chính sách, các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản xuất, chế biến và tiêu dùng lương thực thực phẩm theo hướng minh bạch, trách nhiệm và bền vững.

a) Rà soát và xây dựng chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái, phát thải thấp, góp phần hình thành các vùng sản xuất bền vững theo vùng sinh thái.

b) Khuyến khích phát triển hợp tác công tư trong đầu tư cơ sở hạ tầng, tăng cường năng lực quản trị đối với hệ thống lương thực thực phẩm gồm hạ tầng sản xuất, giao thông, dịch vụ hậu cần, chuỗi cung ứng công nghệ lạnh, chợ đầu mối phân phối, vùng nguyên liệu, hạ tầng công nghệ cao cho chuyển đổi số, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng xanh để cải thiện liên kết vùng, kết nối thị trường và hiện đại hóa hệ thống phân phối lương thực thực phẩm.

c) Cập nhật và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn sản xuất, quy trình quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm nông nghiệp sinh thái và phát thải thấp.

d) Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy sản xuất, phân phối và tiêu dùng thực phẩm xanh, an toàn và có truy xuất nguồn gốc.

đ) Nâng cao vai trò của các hiệp hội ngành hàng trong phát triển chuỗi ngành hàng nông lâm thủy sản chủ lực theo hướng minh bạch, trách nhiệm, bền vững.

e) Giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững, nâng cao hiệu quả, hiệu lực thực hiện Kế hoạch theo các mục tiêu đề ra.

2. Phát triển hệ thống cung ứng đầu vào cho sản xuất nông nghiệp theo hướng minh bạch, trách nhiệm và bền vững.

a) Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng và kinh doanh vật tư nông nghiệp, hướng tới nền sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, có trách nhiệm và bền vững.

b) Xây dựng, tổ chức, hướng dẫn quy trình sản xuất, sử dụng phân bón hữu cơ; hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thảo mộc phù hợp cho sản xuất lương thực thực phẩm hiệu quả và an toàn.

c) Nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng các giống và biện pháp kỹ thuật cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu cao với điều kiện bất thuận, phù hợp với các vùng sinh thái, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh; cơ giới hóa phù hợp với nông nghiệp sinh thái.

d) Xây dựng các mô hình sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước và tài nguyên di truyền động, thực vật; duy trì và phát huy kiến thức bản địa đảm bảo tính hiệu quả và bền vững, bảo vệ môi trường của hệ thống lương thực thực phẩm.

đ) Phát triển và kết nối hệ thống chợ đầu mối nông sản thành các đầu mối logistics, dịch vụ tổng hợp và cung ứng đầu vào cho sản xuất nông nghiệp.

3. Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng minh bạch, trách nhiệm và bền vững

a) Triển khai áp dụng mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi đối với cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc đối với lương thực thực phẩm.

b) Xây dựng nền tảng thông tin số về thời tiết, khí hậu, rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu, dự báo và cảnh báo dịch bệnh, sâu bệnh và thông tin thị trường để truy cập trên diện rộng.

c) Xây dựng và chuyển giao các quy trình, tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp sinh thái (*bao gồm các thực hành nông nghiệp tốt, hữu cơ, tuần hoàn, nông lâm kết hợp, hệ thống tổng hợp trồng trọt - chăn nuôi, trồng trọt - thủy sản, nông nghiệp thuận thiên, bảo tồn, nông nghiệp cảnh quan, nông nghiệp tái sinh, nông nghiệp thông minh với khí hậu, quản lý tổng hợp sức khỏe cây trồng, vật nuôi...*); gắn sản xuất nông nghiệp sinh thái, phát thải thấp trong liên kết chuỗi giá trị, kết hợp du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, du lịch văn hóa và ẩm thực nông thôn theo hướng đa dạng vùng, miền và các phương thức sản xuất.

d) Tăng cường nghiên cứu và áp dụng công nghệ số đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức nông dân để minh bạch thông tin cho hệ thống lương thực thực phẩm nhằm cải thiện an toàn thực phẩm và dinh dưỡng.

đ) Khuyến khích ứng dụng công nghệ số điều khiển hệ thống canh tác nông nghiệp chính xác, theo dõi phát thải khí nhà kính cho các chuỗi giá trị sản phẩm lương thực thực phẩm chủ lực.

e) Nâng cao nhận thức, năng lực cho người sản xuất, doanh nghiệp đảm bảo đáp ứng yêu cầu sản xuất và cung ứng theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng; thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong giảm thiểu thất thoát và lãng phí lương thực thực phẩm.

g) Xây dựng chương trình phát triển nông nghiệp đa dạng hóa, nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng ở khu vực khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, tăng cường khả năng tiếp cận và thụ hưởng lương thực thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng cho khu vực khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng có nhiều rủi ro thiên tai và mất cân đối về thực phẩm, dinh dưỡng.

h) Tăng cường điều phối liên ngành nhằm ứng dụng cách tiếp cận Một sức khỏe (*bao gồm sức khỏe con người, động vật, cây trồng, môi trường*) trong quản trị chuỗi cung ứng lương thực thực phẩm.

i) Nâng cao năng lực quản trị rủi ro, năng lực chống chịu của hệ thống lương thực thực phẩm với các cú sốc kinh tế, xã hội và môi trường, đặc biệt đối với các nhóm nghèo và nhóm dễ bị tổn thương. Tiếp tục triển khai cơ chế, chính sách về bảo hiểm nông nghiệp phù hợp với các đối tượng và vùng miền.

4. Phát triển hệ thống chế biến và phân phối lương thực thực phẩm theo hướng minh bạch, trách nhiệm và bền vững

a) Triển khai thực hiện hệ thống chỉ tiêu giám sát và đo lường thất thoát và lãng phí lương thực thực phẩm cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh.

b) Nâng cao năng lực cho các tổ chức kiểm nghiệm, tư vấn, giám định, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm theo hướng xã hội hóa.

c) Nâng cao năng lực cho các tổ chức và cá nhân tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực thực phẩm trong việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, truy xuất nguồn gốc, ghi nhãn xuất xứ sản phẩm theo hướng trách nhiệm và bền vững.

d) Tăng cường các hoạt động thương mại điện tử, quảng bá, kết nối thị trường tiêu thụ lương thực thực phẩm theo chuỗi giá trị với các kênh thương mại điện tử, mạng xã hội.

đ) Duy trì hoạt động ổn định và thông suốt của chuỗi cung ứng lương thực thực phẩm, thúc đẩy hợp tác với các bên liên quan để phát triển thương mại nông nghiệp làm cơ sở cho an ninh lương thực khu vực và toàn cầu.

e) Tăng cường năng lực dự trữ để phòng chống, ứng phó với các hiện tượng đứt gãy chuỗi cung ứng lương thực thực phẩm ở các cấp độ khác nhau, trong đó ưu tiên cho các nhóm nghèo và nhóm dễ bị tổn thương.

g) Quản lý an toàn thực phẩm trên cơ sở phân tích nguy cơ, nâng cao năng lực phân tích nguy cơ và minh bạch thông tin cho các đối tượng và ở các cấp độ khác nhau.

h) Xây dựng và phổ biến các mô hình liên kết chuỗi cung ứng tích hợp đa giá trị, đảm bảo an toàn thực phẩm, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến, bảo quản lương thực thực phẩm.

i) Nghiên cứu, triển khai ứng dụng giải pháp, mô hình, kỹ thuật trong giảm thất thoát và lãng phí lương thực thực phẩm; tái chế lương thực thực phẩm không sử dụng.

5. Thúc đẩy thực hành tiêu dùng lương thực thực phẩm theo hướng minh bạch, trách nhiệm và bền vững

a) Xây dựng và theo dõi bảng cân đối thực phẩm cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh làm cơ sở theo dõi và điều tiết sản xuất cũng như phân phối thực phẩm cân đối cho thị trường quốc gia, khu vực và địa phương. Thí điểm xây dựng ngân hàng thực phẩm, ưu tiên phân phối thực phẩm địa phương, thực phẩm tươi sống và thực phẩm lành mạnh.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu về chất lượng, an toàn thực phẩm và hệ thống truy xuất nguồn gốc, kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

c) Tăng cường năng lực giám sát và xử lý vi phạm trong phân phối lương thực thực phẩm không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, không rõ nguồn gốc xuất xứ và có hại cho sức khỏe người tiêu dùng.

d) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người tiêu dùng, khuyến khích hành vi tiêu dùng ăn uống lành mạnh, dinh dưỡng cân đối, có lợi cho sức khỏe, có trách nhiệm với môi trường và xã hội.

đ) Hỗ trợ phát triển hệ thống phân phối thực phẩm an toàn, áp dụng các nguyên lý kinh tế tuần hoàn đối với người tiêu dùng.

e) Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng tích hợp về thực phẩm, dinh dưỡng, sức khỏe, môi trường.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: Thực hiện lồng ghép trong các nhiệm vụ chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước được giao, các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án,...

- Nguồn vốn xã hội hóa.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp & PTNT:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này; lồng ghép và tích hợp nội dung liên quan đến chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển để bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật; tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án để thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt nam đến năm 2030;

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch và báo cáo theo quy định. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp & PTNT và các cơ quan có liên quan để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch này;

- Sau khi Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành/phê duyệt các nội dung, hướng dẫn cụ thể, chủ trì, phối hợp với các sở ngành rà soát đề xuất UBND tỉnh bổ sung các nội dung kế hoạch bảo đảm phù hợp với thực tiễn của tỉnh;

- Theo dõi việc thực hiện của các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT và đề xuất UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố: Theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị được giao chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch này; lồng ghép và tích hợp nội dung liên quan đến chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển để bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, chỉ đạo các cấp Hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt nam đến năm 2030 và Kế hoạch hoạch này.

4. Chế độ báo cáo

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp & PTNT để tổng hợp chung, báo cáo theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp & PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài PTTH tỉnh, Công TT-GTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Khước